

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn N1.

2/ Bà Lê Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường A - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vĩnh Chung B, sinh năm 1994. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp)

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Hoài H, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Vĩnh C Bảo Toàn trình bày: Anh và chị Ngô Thị Hoài H kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 24/3/2014. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do chị H sống không chung thủy. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Vĩnh Chung B, sinh ngày 14/10/2013, Vĩnh Chung B, sinh ngày 09/4/2015, Vĩnh Chung B, sinh ngày 06/8/2017, hiện tại 03 con do anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 03 con chung yêu cầu chị H cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ/03 con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị Hoài H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Vĩnh Chung B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Ngô Thị Hoài H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng”. Bị đơn chị Ngô Thị Hoài H có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp). Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vĩnh Chung Bảo T và chị Ngô Thị Hoài H kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 24/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và tự

sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do chị H sống không chung thủy. Mặc dù, đã được động viên phân tích nhưng anh T xác định không còn khả năng đoàn tụ. Riêng đối với chị H, từ khi được Tòa án thông báo về việc anh T ly hôn chị vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T1 thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T và chị T1 có 03 con chung tên Vĩnh Chung B, sinh ngày 14/10/2013, Vĩnh Chung B, sinh ngày 09/4/2015, Vĩnh Chung B, sinh ngày 06/8/2017, hiện tại 03 con do anh T nuôi dưỡng ổn định, trẻ phát triển tốt và nguyện vọng của trẻ mong muốn được sống chung với cha. Do vậy, giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Xét thấy, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 con là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận,

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, anh T là hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho anh T; Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ nên chị N2 và anh C1 phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vĩnh C Bảo Toàn. Cho anh Vĩnh C Bảo Toàn được ly hôn chị Ngô Thị Hoài H.

2. *Về con chung*: Giao 03 con chung tên tên Vĩnh Chung B, sinh ngày 14/10/2013, Vĩnh Chung B, sinh ngày 09/4/2015, Vĩnh Chung B, sinh ngày 06/8/2017 cho anh Vĩnh C Bảo Toàn nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Hoài H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 con, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, đồng thời được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*:

- Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Vĩnh C Bảo Toàn. Trả lại cho anh Vĩnh C Bảo Toàn 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001606 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) xem như thi hành xong.

- Chị Ngô Thị Hoài H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Nghĩa vụ cấp dưỡng)

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 5-Dồng Tháp;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thành Ngoan

